

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;
Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;
Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua nghị quyết ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này “Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh”.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Sở NN và PTNT; Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH). *KL*



CHỦ TỊCH

Lê Thị Ái Nam

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14./2020/NQ-HĐND
Ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

3. Nguồn kinh phí lồng ghép với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các Chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (*không bao gồm tài liệu tham khảo*); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (*nếu có*); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (*nếu có*); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (*nếu có*); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (*nếu học viên ốm*); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (*điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác*): Thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

2. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện theo điểm b, khoản 3 điều 1 của Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Đối với chi tiền ăn, tiền đi lại cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Mức chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật là 100.000 đồng / người / buổi.

Điều 4. Chi thông tin, tuyên truyền

1. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập: Chi chủ tọa và thư ký, báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm, bồi dưỡng viết báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng, nhưng không trình bày, thành viên tham gia hội thảo, mức chi cụ thể như sau:

a) Chi chủ trì diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (*cấp tỉnh*): 750.000 đồng / buổi.

b) Chi chủ trì hội thảo, tọa đàm (*cấp cơ sở*): 350.000 đồng / buổi.

c) Chi thư ký diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (*cấp tỉnh*): 250.000 đồng / buổi.

d) Chi thư ký hội thảo, tọa đàm (*cấp cơ sở*): 120.000 đồng / buổi.

đ) Chi báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (*cấp tỉnh*): 1.000.000 đồng / báo cáo.

e) Chi báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm (*cấp cơ sở*): 500.000 đồng / báo cáo.

g) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (*cấp tỉnh*): 500.000 đồng / báo cáo.

h) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm (*cấp cơ sở*): 250.000 đồng / báo cáo.

i) Thành viên tham gia diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (*cấp tỉnh*): 100.000 đồng / thành viên / buổi.

k) Thành viên tham gia hội thảo, tọa đàm (*cấp cơ sở*): 70.000 đồng / thành viên / buổi.

2. Thuê hội trường; thuê máy chiếu, trang thiết bị; photo tài liệu; chi thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu; phòng nệm; băng rôn; văn phòng phẩm và các khoản chi khác. Mức chi: Chi thực tế theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

3. Tổ chức hội nghị, chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ; giải khát giữa giờ thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 5. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Nội dung hoạt động:

a) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu sản xuất và định hướng phát triển của ngành.

b) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

2. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình.

c) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại trong tỉnh được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình; địa bàn nào.

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình.

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 100 triệu đồng / mô hình.

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

3. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình: Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn thực hiện hiện theo quy định tại điều 3 Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh.

5. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (*đã bao gồm biên soạn tài liệu*): Mức chi thực hiện theo điểm b, khoản 3 điều 1 của Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi thực hiện theo quy định tại điều 3 và điều 4 của quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở / 22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Chi tư vấn, dịch vụ khuyến nông

1. Hoạt động tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại điều 3 quy định này.

2. Hoạt động tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại điều 4 quy định này.

3. Hoạt động tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có) thực hiện theo quy định của nghị quyết này và các quy định có liên quan khác hoặc theo mức quy định của nhà tài trợ.

2. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước.

3. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên theo quy định pháp luật.

4. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Ái Nam